

Bản án số: 51/2022/HS-ST

Ngày: 12/5/2022

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thành Hải**

Các hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Hoàng Thanh Tâm**

**2/ Bà Trần Thị Tố Loan**

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Thành**

- Đại diện VKSND thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:

**Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên**

Ngày 12/5/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 144/2020/TLST-HS ngày 29/10/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/HSST-QĐ ngày 19/04/2022 đối với bị cáo:

**LÃ THANH T**, sinh năm 1990, tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Tổ 1, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: như trên; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lã Thanh T, sinh năm: 1962; Con bà: Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1972 (chết); Có vợ: Tống Thị Thùy L, sinh năm: 2000 (không đăng ký kết hôn); Có 01 con: sinh năm 2020.

\* Tiền án: Năm 2016, bị TAND thị xã L xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 22/9/2018.

\* Nhân thân:

+ Năm 2009, bị TAND thị xã L xử phạt 08 tháng 06 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng, về tội “trộm cắp tài sản”.

+ Năm 2011, bị TAND huyện X xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”

+ Ngày 10/07/2020, bị TAND huyện B, tỉnh Long An xử phạt 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 16/03/2021, bị TAND quận G, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam T thuộc Tổng cục 8 (có mặt tại phiên tòa).

**- Bị hại: Anh Mã Phi H**, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Ấp 18 G, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Trần Đức T**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: 369 đường P, phường 15, quận T, tp.HCM.

(vắng mặt)

2. Anh **Vũ Hoàng Khánh T**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: 3/23 T, phường 3, Q.P, tp.HCM. (vắng mặt)

3. Ông **Vũ Quốc U**, sinh năm: 1958

Địa chỉ: 3/23 T, phường 3, Q.P, tp.HCM. (vắng mặt)

4. Anh **Dương Ngọc T**, sinh năm: 1995

Địa chỉ: 205, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(vắng mặt)

**- Người làm chứng:** Anh **Hà Văn H**, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 30/11/2019, Lã Thanh T chạy xe máy từ xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đi về hướng thành phố L, khi đi đến gần khu vực Ủy ban nhân dân xã B, T thấy 01 người thanh niên (sau này mới biết là Mã Phi H) đang ngồi trên xe mô tô hiệu Sonic biển số 60B2-517.80, do lúc này anh Mã Phi H, sinh năm 1999, ngụ tại ấp 18 G, xã B, thành phố L đang say rượu nên không chạy xe về được. Anh H nhờ T gọi điện thoại cho gia đình nhưng không gọi được nên anh H tiếp tục nhờ T chở ra nhà bạn. T đồng ý và nói chờ để T mang xe máy đang đi về trả lại cho P (hiện chưa rõ lai lịch), tại phường X.

Sau khi trả xe cho P, T nhờ 01 người phụ nữ là bạn của P chở H vào ấp 18 G, xã B. Khi đến gần quán cà phê T thì T xuống xe, người phụ nữ này chạy xe về. T đi bộ đến chỗ anh H đang đứng và nói chuyện với nhau, do H nói chuyện lớn tiếng nên có 01 ông chủ tiệm hớt tóc gần đó thức dậy, H đứng nói chuyện với ông chủ tiệm hớt tóc này được một lúc, thấy anh H lấy giấy tờ xe và chứng minh nhân dân ra nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh H. T đi vào gặp anh H và nói đưa giấy tờ xe và chứng minh nhân dân cho T, T lấy giấy tờ xe và chứng minh nhân dân đi ra chỗ đang để xe, lợi dụng lúc H và ông chủ tiệm hớt tóc đang nói chuyện với nhau không có ai để ý nên T đã ngồi lên xe và chạy đến thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T lấy hình của mình dán lên chứng minh nhân dân của anh H và mang xe đến tiệm cầm đồ 103, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh để cầm cố lấy số tiền 30.000.000đ.

Khoảng 1 tuần sau, T đăng bán chiếc xe này lên mạng xã hội, ngày 09/12/2019, thì có anh Vũ Hoàng Khánh T, sinh năm 1990, ngụ tại phường 3, Quận P hỏi mua chiếc xe, T đồng ý bán với giá 37.000.000đ và hẹn đến tiệm cầm đồ 103 nói trên để giao dịch. Khi đến tiệm cầm đồ anh T chuộc chiếc xe với giá 31.000.000đ, đưa cho T

số tiền 4.000.000đ, còn lại 2.000.000đ thỏa thuận khi nào làm xong giấy tờ hợp lệ anh T sẽ trả hết. Đến ngày 11/12/2019, anh T gọi điện thoại cho T để thanh toán hết số tiền còn lại nhưng không liên lạc được với T.

Sau khi mua xe về được khoảng 10 ngày thì anh T mang xe mô tô này đăng bán trên mạng xã hội với giá là 39.000.000đ, anh Dương Ngọc T, sinh năm 1995, ngụ tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai đồng ý mua với giá 39.000.000đ, ông Vũ Quốc U, sinh năm 1958 là cha ruột của anh T đứng ra làm giấy mua bán với anh T.

Đến ngày 19/12/2019, anh T sử dụng chiếc xe nói trên lưu thông trên đường T, phường X, thành phố L thì bị phát hiện và tạm giữ chiếc xe nói trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/HĐĐGTSTTTHS ngày 08/1/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Long Khánh kết luận: Một xe gắn máy hiệu Honda Sonic, màu đen, biển số 60 B2-517.80, xe đã qua sử dụng, thời điểm ngày 01/12/2019 có giá trị là 42.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 88/CT-VKS-HS ngày 27/07/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh đã truy tố bị cáo Lã Thanh T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 – Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố (đối với 02 tiền án), đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lã Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

\* Về hình phạt: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lã Thanh T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Tổng hợp hình phạt với 02 bản án của Tòa án huyện B, tỉnh Long An và Tòa án quận G, thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung theo quy định.

\* Về vật chứng:

Quá trình điều tra xác định được xe mô tô hiệu Sonic biển số 60B2-517.80, là xe của anh Mã Phi H đứng tên chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã trả lại xe cho anh H.

\* Về trách nhiệm dân sự:

Anh Dương Ngọc T đã được anh Vũ Hoàng Khánh T và ông Vũ Quốc U trả lại số tiền 39.000.000đ. Đây là số tiền mà anh T sử dụng để mua xe của anh Vũ Hoàng Khánh T và ông Vũ Quốc U.

Anh Vũ Hoàng Khánh T và ông Vũ Quốc U yêu cầu Lã Thanh T phải bồi thường số tiền 35.000.000đ. Đề nghị bị cáo T phải bồi thường.

\* Lời nói sau cùng: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã thấy ăn ăn hối lỗi. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình để nuôi con và chăm sóc cha già.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện:

Khoảng 01 giờ ngày 30/11/2019, tại ấp 18 G, xã B, thành phố L Lã Thanh T lên lút trộm cắp của anh Mã Phi H 01 xe gắn máy hiệu Honda Sonic, màu đen, biển số 60 B2-517.80, có giá trị là 42.000.000đ.

Bị cáo có 03 tiền án, trong đó có 02 tiền án năm 2009, 2011 đã được xóa án tích nên hành vi của bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố, đề nghị xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp.

Sau khi trộm được xe gắn máy của bị hại, T làm giả CMND của chủ xe là Mã Phi H (dán hình của T lên CMND của H) để thực hiện hành vi trái pháp luật (tự xưng mình là Mã Phi H để cầm cố chiếc xe trên cho anh T để lấy số tiền 30.000.000đ và bán chiếc xe trên cho anh Vũ Hoàng Khánh T với giá 37.000.000đ). Hành vi trên của bị cáo T có dấu hiệu của tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung, Viện kiểm sát có văn bản trả lời cho rằng không đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về giới hạn của việc xét xử “*Tòa án xét xử những bị cáo và hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố...*” nên cần tiếp tục xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T về những hành vi nêu trên.

Đối với hành vi giả làm chủ xe để cầm xe lấy số tiền 30.000.000đ và bán xe lấy số tiền 37.000.000đ tuy có dùng thủ đoạn gian dối nhưng không có yếu tố chiếm đoạt nên không đủ yếu tố cấu thành tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận bị cáo Lã Thanh T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là công dân có đủ nhận thức và năng lực, do không muốn lao động mà vẫn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo có nhân thân xấu và có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, cần áp

dụng mức hình phạt tù nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên xét bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được xem xét giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với P là bạn của T và người phụ nữ mà T nhờ chở T đến quán cà phê T do chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên tiếp tục điều tra, xác minh, nếu phát hiện có dấu hiệu đồng phạm sẽ xử lý sau.

[6] Về vật chứng: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Hoàng Khánh T và ông Vũ Quốc U yêu cầu Lã Thanh T phải bồi thường số tiền 35.000.000đ. Buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền trên cho anh Trương và ông U.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** bị cáo **Lã Thanh T** phạm tội: **“Trộm cắp tài sản”**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

**\* Xử phạt:** Bị cáo **Lã Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Tổng hợp hình phạt **08 năm tù** tại bản án số 48/2020/HSST ngày 10/06/2020 của tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, về tội “Trộm cắp tài sản” và hình phạt **01 năm tù** tại bản án số 30/2021/HSST ngày 16/03/2021 của tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh, về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là: **10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2020.

**\* Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Vũ Hoàng Khánh T và ông Vũ Quốc U số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

**\* Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- Sở tư pháp ĐN;
- VKSND Tỉnh ĐN;
- VKSND TP.LK;
- CA TP.LK;
- THA TP.LK;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Hải**